ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /KH-UBND	*Bạc Liêu, ngày 14 tháng 10 năm 2015*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU:

- Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số.

- Khống chế các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới nổi, không để dịch lớn xảy ra. Hạn chế, tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng, bệnh học đường.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; giảm tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến tỉnh. Phát triển y tế phổ cập, bác sỹ gia đình, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao phủ y tế toàn dân kết hợp với phát triển y tế chuyên sâu. Tăng cường chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư. Hiện đại hoá và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Chủ động duy trì mức sinh thấp hợp lý, khống chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và một số chuyên khoa; chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ chuyên khoa sâu, phù hợp với nhu cầu sử dụng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế của tỉnh.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính ngành y tế, tăng cường đầu tư công cho y tế, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; sử dụng nguồn tài chính y tế hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và trang thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn, hiệu quả.

- Nâng cao năng lực quản lý và thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển. Phấn đấu đến năm 2030, hệ thống y tế từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn được hoàn thiện, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tỉnh.

II. Chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030
I	**Chỉ tiêu đầu vào**				
	Dân số trung bình	867.777	889.109	962.840	1.050.000
1	Số bác sỹ/vạn dân	5,3	7,5	10	12
2	Số dược sỹ đại học/vạn dân	0,36	1,1	2,0	2,5
3	Tỷ lệ khóm ấp có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100	100
4	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động (%)	84,4	100	100	100
5	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi (%)	100	100	100	100
6	Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân (không bao gồm giường trạm y tế xã)	15	22.0	25	26.5
	Trong đó: Giường bệnh viện ngoài công lập	0,6	0.56	5.2	6.7
II	**Chỉ tiêu hoạt động**				
7	Tỷ lệ trẻ <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	>95	>95	>95	>99
8	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế %	0	60	100	100
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	50	60	70	100
10	Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại (%)	15	20	25	25
11	Tỷ lệ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn (%)	50	85	100	100
III	**Chỉ tiêu đầu ra**				
12	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	72,0	73,0	75,0	80,0
13	Tỷ suất chết mẹ (100.000 trẻ đẻ ra sống)	14,0	<45	<35	<5,0
14	Tỷ suất tử vong trẻ <1 tuổi /1.000 trẻ đẻ ra sống	<14.8	<14	11	<11

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030
15	Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi (1.000 trẻ đẻ ra sống)	<19.3	<18	16	<16
16	Tốc độ tăng dân số hàng năm (%)	1,22	1,12	1,0	1,0
17	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái)	109	107	105	103
18	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) (%)	17	14	10	7
19	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	0,3	<0,3	<0,2	<0,2

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế:

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Kiện toàn và ổn định mô hình tổ chức hệ thống y tế từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn; phát triển các bệnh viện chuyên khoa theo lộ trình Quy hoạch ngành y tế của tỉnh; tăng cường đầu tư phát triển y tế công lập đi đôi với việc khuyến khích và tạo điều kiện phát triển y tế ngoài công lập; phát triển y học hiện đại gắn với y học cổ truyền.

- Củng cố, phát triển mạng lưới y tế dự phòng theo hướng tập trung, thu gọn đầu mối đơn vị nhằm tăng cường hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống.

- Hoàn thiện mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; phát triển kỹ thuật y học ngang tầm các tỉnh trong khu vực; củng cố, nâng cao năng lực hoạt động bệnh viện tỉnh; sắp xếp các bệnh viện đa khoa tuyến huyện theo địa bàn cụm dân cư; mở rộng mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền, mạng lưới các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện quân - dân y.

2. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, đổi mới chăm sóc sức khỏe ban đầu:

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện; bảo đảm 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; kết hợp hài hòa các hoạt động giữa các đơn vị y tế trong huyện; thực hiện tốt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020; phát triển đội ngũ nhân viên y tế khóm, ấp nhất là ở vùng sâu, vùng xa; tăng cường hoạt động bác sĩ gia đình; triển khai quản lý bệnh không lây nhiễm gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế cơ sở, ưu tiên đào tạo cán bộ y tế người dân tộc tại chỗ. Bảo đảm đủ chức danh cán bộ cho trạm y tế, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ y - dược học cổ truyền.

- Triển khai các chính sách ưu tiên chăm sóc sức khoẻ nhân dân vùng sâu, vùng xa, đặc biệt quan tâm tới đồng bào các dân tộc thiểu số, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn.

- Củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả của Ban chăm sóc sức khoẻ nhân dân ở cơ sở; nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu; thực hiện lồng ghép các chương trình, mục tiêu, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

3. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS và an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống giám sát, cảnh báo dịch và phòng chống dịch bệnh chủ động. Tăng cường các hoạt động giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý các chất thải y tế và các chất thải độc hại. Quản lý hiệu quả các yếu tố có hại đến sức khỏe như: Hút thuốc, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, chế độ ăn không hợp lý, ngộ độc thực phẩm... Củng cố và phát triển đội ngũ thanh tra liên ngành và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Đầu tư các công trình cung cấp nước sạch, công trình vệ sinh để thực hiện việc "ăn sạch, uống sạch, ở sạch".

- Đầu tư đồng bộ cho các đơn vị y tế dự phòng nhằm đạt chuẩn quốc gia về y tế dự phòng và chuẩn quốc tế về phòng xét nghiệm an toàn sinh học phù hợp với từng tuyến và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Củng cố và nâng cao năng lực trung tâm kiểm nghiệm, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn kiểm nghiệm phù hợp với quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng chống tai nạn, thương tích, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, đuối nước, tự tử, bệnh nghề nghiệp, phòng chống HIV/AIDS, an toàn vệ sinh thực phẩm. Triển khai các giải pháp thích hợp để phòng và khắc phục nhanh hậu quả đối với sức khỏe do thảm họa, thiên tai, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, bạo lực gia đình.

4. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng:

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp để giảm quá tải bệnh viện; phát triển bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần, Y học cổ truyền, Sản - Nhi và các Khoa ung bướu, tim mạch, chấn thương chỉnh hình, phục hồi chức năng; chú trọng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Chỉ đạo việc thực hiện cải thiện chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; kiện toàn cơ chế xử lý, phản hồi ý kiến, bảo vệ quyền lợi của người bệnh; áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp đối với các bệnh viện. Thiết lập hệ thống quản lý, kiểm định và kiểm soát chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực ở các bệnh viện; tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện. Phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị, tăng cường kiểm soát kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định kỹ thuật; hạn chế tối đa việc lạm dụng thuốc và công nghệ y tế; thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm các tai biến, sai sót chuyên môn, bảo đảm an toàn cho người bệnh và minh bạch trong quản lý, hoạt động chuyên môn và phân bổ nguồn lực. Tăng cường giáo dục y đức, quy chế ứng xử cho cán bộ y tế.

- Quan tâm tăng cường đầu tư trang thiết bị và nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt công tác giám định tư pháp (giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần) và giám định y khoa.

5. Phát triển y dược học cổ truyền:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền và kế hoạch hành động về phát triển y, dược cổ truyền đến năm 2020; đẩy mạnh sử dụng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và dược liệu. Củng cố hệ thống tổ chức y dược cổ truyền từ tỉnh đến cơ sở, hoàn chỉnh bệnh viện y dược cổ truyền tại tỉnh với quy mô 100 - 150 giường; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các khoa y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện; tăng cường hoạt động y học cổ truyền tại các trạm y tế.

- Triển khai quy trình kỹ thuật điều trị bằng y dược cổ truyền và quy trình điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại đối với một số bệnh. Thực hiện phác đồ điều trị bằng y dược cổ truyền đối với một số bệnh mà y dược cổ truyền có khả năng điều trị đạt kết quả tốt. Tăng cường quản lý thị trường thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.

6. Đẩy mạnh chăm sóc sức khoẻ sinh sản, dân số - kế hoạch hóa gia đình:

- Củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản ở các tuyến theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phối hợp liên ngành; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong thực hiện chính sách, pháp luật về dân số - sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình.

- Huy động rộng rãi các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng tham gia công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật; cập nhật, cung cấp thông tin tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng. Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Kết hợp tốt truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến. Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; đưa các dịch vụ này vào danh mục các dịch vụ y tế được bảo hiểm y tế chi trả.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Ưu tiên đào tạo trình độ trung cấp dân số - y tế cho cán bộ dân số xã; đào tạo kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Nâng cao chất lượng thu thập, xử lý thông tin số liệu về dân số, sức khỏe sinh sản trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý ở các cấp.

7. Phát triển nhân lực y tế:

- Nâng cấp trường Cao đẳng y tế, nâng cao chất lượng giảng viên, đổi mới chương trình, tài liệu và phương pháp giảng dạy. Bảo đảm đào tạo đủ cán bộ y tế và cơ cấu hợp lý.

- Tổ chức cấp, quản lý chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động cho cán bộ y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

- Thu hút nguồn nhân lực chính quy chất lượng cao, tốt nghiệp xếp loại từ khá, giỏi trở lên ở bậc đại học, bác sĩ nội trú, thạc sĩ chính quy cho bệnh viện tuyến tỉnh, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ người bệnh, ổn định lâu dài, có chất lượng ngang tầm với các tỉnh trong khu vực.

- Tiếp tục đào tạo hệ cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo bác sĩ, dược sĩ hệ tập trung 4 năm và đào tạo liên tục với quy mô hợp lý để đáp ứng nhu cầu cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn ; đồng thời, nâng cao chất lượng đào tạo cho các loại hình này; giảm dần quy mô đào tạo cử tuyển khi có đủ cán bộ. Bảo đảm đủ chức danh cán bộ cho các cơ sở y tế, đặc biệt cho các khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh đào tạo sau đại học cho tuyến tỉnh và tuyến huyện, trước hết là cán bộ lãnh đạo đơn vị, phụ trách khoa, phòng.

- Triển khai các giải pháp hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh để tăng cường thu hút cán bộ y tế làm việc lâu dài tại vùng sâu, vùng xa. Triển khai thực hiện quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội đối với các cán bộ y tế mới ra trường và cấp chứng chỉ hành nghề cho cán bộ y tế.

8. Phát triển khoa học - công nghệ y tế:

Áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến về tim mạch, nội soi, chỉnh hình, điều trị ung bướu…

9. Đổi mới công tác tài chính và đầu tư:

- Hàng năm, ưu tiên tỷ lệ chi ngân sách cho y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước. Dành ít nhất 30% ngân sách y tế của Nhà nước cho y tế dự phòng, bảo đảm đủ kinh phí cho hoạt động thường xuyên của trạm y tế xã, phường và phụ cấp cho nhân viên y tế ấp theo quy định. Xây dựng cơ chế tài chính thích hợp cho hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khoẻ người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đạt ít nhất 10% tổng chi ngân sách nhà nước dành cho y tế; từng bước thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở y tế theo kết quả hoạt động và đầu ra.

- Mở rộng các phương thức trả trước và chia sẻ rủi ro trong khám bệnh, chữa bệnh thông qua phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; cải cách và đơn giản hóa thủ tục mua, thanh toán bảo hiểm y tế, tạo thuận lợi cho người có bảo hiểm y tế trong khám bệnh, chữa bệnh; tiếp tục triển khai tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, vùng kinh tế - xã hội khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương. Mở rộng hoạt động khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế tại tuyến xã; giảm tỷ lệ hộ gia đình rơi vào tình trạng kiệt quệ vì chi tiêu cho chăm sóc sức khoẻ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm y tế.

- Tăng cường quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, lộ trình cải cách tiền lương; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của nhân dân; minh bạch giá dịch vụ y tế, phân định rõ phần chi từ ngân sách nhà nước và phần chi của người sử dụng dịch vụ y tế.

- Từng bước đổi mới phương thức chi trả dịch vụ y tế, chuyển đổi phương thức phí theo dịch vụ sang những cơ chế chi trả dịch vụ y tế tiên tiến, phù hợp như khoán định suất, chi trả trọn gói theo ca bệnh, theo nhóm chẩn đoán và các cơ chế tài chính khác; tăng cường kiểm soát chi phí, kiểm soát lạm dụng dịch vụ; xây dựng cơ chế kiểm soát giá dịch vụ của các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân.

10. Quản lý dược, vắc xin, sinh phẩm, trang thiết bị và tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng y tế :

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Các cơ sở kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) về thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP); các doanh nghiệp nhập khẩu và lưu thông thuốc có quy mô lớn đạt tiêu chuẩn về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP).

- Tăng cường công tác quản lý giá thuốc, chấn chỉnh công tác đấu thầu thuốc. Cải cách, kiện toàn mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc tại các quầy thuốc, nhất là các quầy thuốc tư nhân, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Đẩy mạnh sử dụng trang thiết bị y tế trong nước, nhất là các trang thiết bị y tế thông dụng, đồng thời từng bước liên doanh, liên kết trang thiết bị y tế công nghệ cao; bảo đảm cung ứng tối thiểu 60% nhu cầu trang thiết bị y tế thông dụng cho các cơ sở y tế.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế. Khuyến khích phát triển đội ngũ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị y tế ở các bệnh viện; cân đối đủ kinh phí của đơn vị cho việc bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa thiết bị và hạ tầng y tế.

- Đầu tư mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng y tế phù hợp với quy hoạch và các tiêu chuẩn xây dựng.

11. Tăng cường Hợp tác quốc tế:

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hợp tác và phát triển; tranh thủ vốn hợp pháp để đầu tư, phát triển cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Củng cố và phát triển các quan hệ hợp tác hiện có, mở rộng quan hệ mới với các nước, các tổ chức quốc tế thông qua các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế; tăng cường vận động và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ nước ngoài cho đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế cho tỉnh; đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển y tế chuyên sâu.

12. Phát triển hệ thống thông tin y tế:

- Thực hiện kế hoạch phát triển hệ thống thông tin y tế từ tỉnh đến cơ sở. Báo cáo chính xác hệ thống chỉ số thống kê y tế, theo dõi được các vấn đề y tế ưu tiên và tình hình thực hiện mục tiêu y tế quốc gia; hoàn thiện sổ sách ghi chép và báo cáo thống kê y tế, tài liệu hướng dẫn về thông tin quản lý y tế, thông tin bệnh viện, thông tin y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và thông tin về nghiên cứu khoa học, đào tạo phát triển nhân lực cho y tế.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với khả năng tài chính, kỹ thuật và nhu cầu sử dụng của từng tuyến; nâng cấp phần cứng, phát triển phần mềm, xây dựng các phương thức trao đổi thông tin, truyền tin, gửi báo cáo, số liệu qua trang điện tử.

13. Đẩy mạnh công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe:

- Kiện toàn mạng lưới truyền thông - giáo dục sức khỏe. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao năng lực hoạt động và kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe cho các tuyến.

- Xây dựng chương trình truyền thông phù hợp với nhóm đối tượng phù hợp với các yếu tố về văn hóa, giới, lứa tuổi và dân tộc. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng; mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân với quan điểm "Sức khỏe cho mọi người" và ''Mọi người vì sức khỏe''.

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức cho nhân dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý; về sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, rèn luyện thể dục - thể thao, giúp người dân có các kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh tật, có lối sống lành mạnh, tự rèn luyện để giữ gìn và nâng cao sức khỏe. Đẩy mạnh truyền thông về lợi ích, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và giá dịch vụ y tế.

14. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế:

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách y tế, kiểm tra và trợ giúp pháp lý cho các đơn vị ngành y tế nhằm bảo đảm thực thi tốt hệ thống chính sách, pháp luật đối với ngành y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, đầu tư, công sản, trang thiết bị và nhân sự cho lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các khoa, phòng và các cán bộ tổ chức, kế hoạch, tài chính. Từng bước chuẩn hoá năng lực chuyên môn, quản lý cho từng vị trí công tác của cán bộ ở tuyến tỉnh và cơ sở.

- Thực hiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các lĩnh vực của ngành y tế, trong đó có chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và năng lực cán bộ; các quy định, quy chuẩn về chuyên môn, làm cơ sở để chấn chỉnh và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Kiện toàn hệ thống thanh tra y tế, bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng, đủ năng lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Tiếp tục cải cách hành chính công, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công; nâng cao trách nhiệm giải trình; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tại các đơn vị y tế.

- Xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế, đặc biệt là cán bộ, viên chức y tế làm việc ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và làm việc trong các lĩnh vực nguy hiểm, độc hại. Có chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên nghề cho cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Y tế:

- Đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo để tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Kế hoạch; phối hợp với các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê, đánh giá, sắp xếp danh mục đề án, dự án ưu tiên đầu tư theo Quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, quản lý tài chính cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Xây dựng các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động y tế.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan, với Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển để xây dựng đề án phát triển y tế biển đảo đến năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm, 5 năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; báo cáo kết quả thực hiện và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài chính: Cân đối kinh phí bảo đảm cho công tác hoạt động thường xuyên.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối vốn xây dựng các Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa và các Trạm y tế, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám và điều trị bệnh.

4. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế, chính sách tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan xây dựng các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm chính sách y tế cho các đối tượng dễ bị tổn thương (người nghèo, cận nghèo, người già, đối tượng bảo trợ xã hội...).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Công Thương, Bảo hiểm Xã hội tỉnh và các Sở, ngành liên quan xây dựng Đề án chăm sóc, bảo vệ sức khỏe công nhân trong các nhà máy, công trường, xí nghiệp, khu công nghiệp.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nội vụ và các Sở, ngành liên quan tổ chức, hoàn thiện mạng lưới đào tạo, nâng cao năng lực, tổ chức bộ máy và biên chế, phát triển nhân lực y tế; kiện toàn hệ thống y tế trường học, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học, phối hợp với ngành y tế triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

7. Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp phát triển bảo hiểm y tế, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường: Quy hoạch đất xây dựng các cơ sở y tế.

9. Sở Giao thông vận tải: Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Công Thương xây dựng, ban hành hoặc trình UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các chính

sách, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

11. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng Đề án vận động toàn dân luyện tập thể dục - thể thao bảo vệ, nâng cao sức khỏe; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, đề án thể dục - thể thao trong trường học nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực của người Bạc Liêu.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bộ đội, góp phần củng cố an ninh quốc phòng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa,ven biển.

13. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động phòng ngừa yếu tố gây nguy cơ có hại đến sức khỏe do lối sống không lành mạnh; phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai Luật an toàn giao thông.

14. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn; xây dựng kế hoạch hành động trong phạm vi quản lý; bố trí đất đai cho phát triển cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; cân đối đủ kinh phí đầu tư và kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện kế hoạch. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể địa phương thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

15. Các Sở, ngành, các cơ quan thông tin đại chúng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, đề xuất, tổ chức thực hiện các đề án, dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đề nghị các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện. Giao Sở Y tế làm đầu mối tổng hợp, theo dõi việc triển khai thực hiện; đồng thời, tham mưu đề xuất, trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành: Y tế, KH&ĐT, TC, NV, LĐTBXH, GD&ĐT, BHXH, TN&MT, GTVT, NN&PTNT, VHTT&DL, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh *(để thực hiện)*;
- UBND các huyện, TX, TP *(để thực hiện)*;
- CVP, PCVP. VHXH;
- Lưu: VT, (TN-02).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Ái Nam